

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh, thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính và việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác trực tiếp liên quan đến lĩnh vực giao thông đường sắt không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

d) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);

đ) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

e) Cơ quan, tổ chức nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

g) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng

1. Các hình thức xử phạt chính quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 24 tháng;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) từ 01 tháng đến 03 tháng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép xây dựng từ 01 tháng đến 03 tháng;

d) Đình chỉ thi công từ 01 tháng đến 03 tháng.

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc cung cấp đầy đủ trang thiết bị phục vụ cảnh giới; buộc lắp đặt đúng, đủ và duy trì hoạt động bình thường của hệ thống báo hiệu, tín hiệu, thiết bị, tổ chức thực hiện phòng vệ theo quy định;

b) Buộc đề toa xe chở hàng nguy hiểm đúng quy định về dôn tàu; buộc đề ghi dẫn sang đường khác theo đúng quy định về dôn tàu;

c) Buộc ra khỏi đường sắt, cầu, hầm dành riêng cho đường sắt; buộc đưa bè, mảng, phương tiện vận tải thủy hoặc các vật thể khác ra khỏi phạm vi bảo vệ cầu đường sắt;

d) Buộc đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi công trình đường sắt; buộc đưa đất, cát, các loại vật tư, vật liệu khác, vật chướng ngại ra khỏi đường sắt; buộc đưa rác thải sinh hoạt, đất, đá, chất độc hại, chất phế thải và các vật liệu khác ra khỏi đường sắt;

đ) Buộc đưa thi hài, hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm, động vật sống xuống tàu, ra ga; buộc đưa chất dễ cháy, dễ nổ ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;

e) Buộc đưa phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật tư, vật liệu, hàng hóa, máy móc ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt; buộc đưa phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải, các vật phẩm khác ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

g) Buộc thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, bảo đảm an toàn giao thông đường sắt;

h) Buộc đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống; buộc xây dựng, phê duyệt, công bố công khai và duy trì hệ thống quản lý an toàn vận hành;

i) Buộc dỡ bỏ vật che lấp biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt; buộc đưa tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt;

k) Buộc dừng thi công và thực hiện đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định trong thời gian 120 ngày;

l) Buộc hạ độ cao của cây trồng có chiều cao vượt quá quy định, di dời cây trồng không đúng quy định hoặc có ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt;

m) Buộc di chuyển lều, quán dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; buộc di chuyển các công trình, nhà ở, lều, quán gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt; buộc di chuyển bảng quảng cáo, băng-rôn hoặc các biển chỉ dẫn ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;

n) Buộc thực hiện nhiệm vụ vận tải đặc biệt, an sinh xã hội theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

o) Buộc gia cố, di chuyển hoặc cải tạo công trình gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường sắt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

p) Buộc tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố;

q) Buộc bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định; buộc bố trí đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ và thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt;

r) Buộc di chuyển vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công, biển phòng vệ, biển báo tạm thời ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt;

s) Buộc để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công theo quy định, không gây cản trở chạy tàu;

t) Buộc thực hiện đăng ký đối với phương tiện giao thông đường sắt;

u) Buộc khôi phục lại kết cấu, hình dáng, tính năng sử dụng ban đầu của phương tiện trước khi đưa phương tiện tham gia giao thông trên đường sắt;

v) Buộc lắp đầy đủ theo quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị; buộc trang bị, thay thế hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị tín hiệu đầu tàu; buộc lắp thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng;

x) Buộc hướng dẫn người vi phạm về vị trí quy định hoặc buộc xuống tàu; đưa hàng hóa, hành lý về vị trí theo quy định; buộc đưa người, hàng hóa ra khỏi đầu máy;

y) Buộc bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của toa xe; buộc hạ tải trọng hàng hóa đã xếp lên toa xe theo quy định.

4. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện

1. Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với các hành vi vi phạm được phát hiện thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật: thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ thời điểm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật ghi nhận hành vi vi phạm.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Mục 1

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÍN HIỆU, QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 5. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về lắp đặt hệ thống báo hiệu, thiết bị tại đường ngang, cầu chung; kết nối tín hiệu đèn giao thông đường bộ với tín hiệu đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang, cầu chung; cung cấp thông tin hỗ trợ cảnh giới tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đúng quy định nội dung thông tin hỗ trợ cảnh giới để thực hiện nhiệm vụ tại vị trí cảnh giới;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ trang thiết bị phục vụ cảnh giới theo quy định.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt có cầu chung thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không quy định phương thức chỉ huy, liên lạc giữa nhà gác hai đầu cầu để điều khiển giao thông trên cầu;

b) Không tổ chức kết nối tín hiệu đường sắt, đường bộ tại khu vực cầu chung do doanh nghiệp quản lý theo quy định.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đường bộ, thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lắp đặt, lắp đặt không đúng, không duy trì hoạt động bình thường hệ thống báo hiệu, tín hiệu, thiết bị tại đường ngang, cầu chung, không tổ chức thực hiện phòng vệ theo quy định;

b) Không thông báo kịp thời, không phối hợp với lực lượng chức năng điều hành giao thông để bảo đảm an toàn giao thông qua đường ngang khi xảy ra sự cố hư hỏng đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang thuộc phạm vi quản lý;

c) Không lập kế hoạch xây dựng, bảo trì công trình, thiết bị hệ thống kết nối tín hiệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này buộc cung cấp đầy đủ trang thiết bị phục vụ cảnh giới theo quy định;

b) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này buộc lắp đặt đúng, đủ và duy trì hoạt động bình thường của hệ thống báo hiệu, tín hiệu, thiết bị, tổ chức thực hiện phòng vệ theo quy định.

Điều 6. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về khám, sửa chữa toa xe, lập tàu, thử hãm

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với nhân viên khám chữa toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện việc khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến hoặc thực hiện khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến không đúng, không đủ nội dung theo quy định;

b) Tiến hành sửa chữa toa xe trên đường sắt trong ga khi chưa thực hiện biện pháp phòng vệ theo quy định;

c) Đẻ toa xe không bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nối vào đoàn tàu;

d) Không phát hiện hoặc phát hiện nhưng không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của toa xe gây chậm tàu.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu ga, trực ban chạy tàu ga thực hiện hành vi lập tàu không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu ga, trực ban chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lập tàu có ghép nối toa xe không bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, trừ trường hợp di chuyển phương tiện chạy thử nghiệm, đưa phương tiện bị hư hỏng về cơ sở sửa chữa;

b) Lập tàu có ghép nối toa xe vận tải hàng hóa có mùi hôi thối, chất dễ cháy, dễ nổ, độc hại, hàng nguy hiểm khác vào tàu khách.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, trưởng tàu, lái tàu, nhân viên khám xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cho tàu chạy từ ga lập tàu hoặc các ga có quy định về thử hãm đoàn tàu mà không đủ áp lực hãm theo quy định;

b) Cho tàu chạy mà không thử hãm theo quy định.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không ban hành nội dung, chức danh đảm nhiệm việc khám kỹ thuật theo quy định;

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không quy định địa điểm, không giám sát việc khám kỹ thuật của đoàn tàu theo quy định.

6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức được giao sửa chữa, quản lý, vận dụng phương tiện giao thông đường sắt không có đầy đủ trang bị kỹ thuật, phụ tùng, vật tư cần thiết để phục vụ việc chỉnh bị, kiểm tra, lâm tu phương tiện giao thông đường sắt tại các trạm đầu máy, trạm khám chữa toa xe theo quy định.

Điều 7. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đồn tàu

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển máy đồn, trưởng đồn, nhân viên ghép nối đầu máy, toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Cho đầu máy dịch chuyển khi chưa nhận được kế hoạch dồn hoặc tín hiệu của người chỉ huy dồn cho phép;
- b) Vượt quá tốc độ dồn cho phép;
- c) Dồn phóng, thả trôi từ dốc gù toa xe có ghi “cấm phóng”, toa xe khác theo quy định không được dồn phóng hoặc tại ga có quy định cấm dồn phóng;
- d) Dồn phóng vào đường có toa xe đang tác nghiệp kỹ thuật, đang sửa chữa, đang xếp, dỡ hàng; dồn phóng vào đường nhánh trong khu gian, vào đường chưa được chiếu sáng đầy đủ hoặc khi có sương mù, mưa to, gió lớn;
- đ) Để toa xe ngoài móc tránh va chạm sau mỗi cú dồn, trừ các trường hợp đặc biệt theo quy định;
- e) Để đầu máy, toa xe đỗ trên đường an toàn, đường lánh nạn khi không có lệnh của người có thẩm quyền;
- g) Đặt chèn trên đường sắt tại các vị trí cấm đặt chèn;
- h) Tiến hành dồn khi các toa xe trong đoàn dồn chưa treo hàm nối ống mềm vào chỗ quy định;
- i) Để toa xe chưa dồn trên đường ga, đường nhánh trong khu gian, đường dùng riêng mà không nối liền với nhau, không siết chặt hãm tay ở hai đầu đoàn xe, không chèn chắc chắn.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng đoàn thực hiện hành vi dồn tàu ra khỏi giới hạn ga khi chưa có chứng vật chạy tàu cho đoàn dồn chiếm dụng khu gian.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga hoặc điều độ chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Sau khi dồn xong vẫn để toa xe chờ hàng nguy hiểm chưa nối vào tàu nhưng không nối liền với nhau, không chèn chắc chắn, không để riêng trên một đường, không phòng vệ bằng tín hiệu di động “ngừng”;
- b) Sau khi dồn xong vẫn để ghi dẫn vào đường chứa toa xe chờ hàng nguy hiểm không thông sang đường khác.

4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này buộc để toa xe chờ hàng nguy hiểm theo đúng quy định về dồn tàu;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này buộc để ghi dẫn sang đường khác theo đúng quy định về dôn tàu.

Điều 8. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về chạy tàu

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu hàng, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn, trực ban chạy tàu ga thực hiện hành vi không ký xác nhận vào phần nội dung tồn căn cảnh báo trong Giấy cảnh báo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn, trực ban chạy tàu ga, nhân viên khám xe, nhân viên áp tải kỹ thuật theo tàu không tham gia thực hiện việc thử hãm đoàn tàu, không ghi đầy đủ các nội dung, không ký xác nhận vào Giấy xác nhận tác dụng hãm theo quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển tàu chạy lùi khi sương mù, mưa to, gió lớn mà không xác nhận được tín hiệu;

b) Điều khiển tàu chạy lùi khi thông tin bị gián đoạn mà phía sau tàu đó có tàu chạy cùng chiều;

c) Điều khiển tàu chạy lùi trong khu gian đóng đường tự động khi chưa có lệnh;

d) Điều khiển tàu chạy tiến hoặc lùi trong trường hợp đã xin cứu viện mà chưa được phép bằng mệnh lệnh;

đ) Điều khiển tàu chạy lùi trong trường hợp tàu có đầu máy đẩy vào khu gian rồi trở về.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trực ban chạy tàu ga, lái tàu, trưởng tàu cho tàu chạy vào khu gian mà chưa có chứng vật chạy tàu;

b) Trực ban chạy tàu ga, lái tàu, trưởng tàu, nhân viên gác ghi để người không có phận sự thực hiện nhiệm vụ của mình khi không được phép.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, lái tàu thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng.

Điều 9. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đón, gửi tàu

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với nhân viên đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trực ban chạy tàu ga, gác ghi, gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm, tuần cầu, tuần đường, tuần hầm không đón, tiễn tàu hoặc tác nghiệp đón, tiễn tàu không đúng quy định, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này;

b) Trực ban chạy tàu ga không ghi chép đầy đủ các mẫu điện tín;

c) Trực ban chạy tàu ga, gác đường ngang, gác cầu chung không ghi chép đầy đủ thông tin về giờ tàu chạy qua ga, chắn, cầu chung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga để tàu đỗ trước cột tín hiệu vào ga khi không có lý do chính đáng.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với nhân viên gác đường ngang, cầu chung không đóng chắn hoặc đóng chắn không đúng thời gian theo quy định.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tổ chức đón tàu vào đường không thanh thoát mà không áp dụng các biện pháp an toàn theo quy định;

b) Đón, gửi nhầm tàu;

c) Đón, gửi tàu mà không thu chìa khóa ghi hoặc không áp dụng các biện pháp khống chế ghi;

d) Cho tàu chạy vào khu gian mà không thông báo cho nhân viên gác đường ngang, cầu chung theo quy định;

đ) Để phương tiện giao thông đường sắt khác chiếm dụng đường chính tuyến trong ga, trừ trường hợp tránh vượt tàu, dồn dịch, cứu hộ, cứu nạn;

e) Không thông báo cho trực ban chạy tàu ga đến, ga đi, nhân viên điều độ chạy tàu tuyến về số hiệu tàu, giờ thực tế tàu đến, đi, thông qua sau khi tàu đến, đi, thông qua ga theo quy định;

g) Không kiểm tra, không xác nhận việc dồn dịch gây ảnh hưởng, trở ngại đến đường đón, gửi tàu theo quy định.

Điều 10. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về chấp hành tín hiệu giao thông đường sắt

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu, trưởng đồn, nhân viên ghép nối đầu máy toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đã xác nhận được các tín hiệu đồn nhưng không kéo còi làm tín hiệu hô đáp;

b) Khi đồn tàu không thực hiện đúng các tín hiệu đồn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên gác đường ngang, cầu chung không điều hành giao thông khi chắn bị hỏng, đèn tín hiệu không hoạt động hoặc báo hiệu sai quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lái tàu, trưởng tàu, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn cho tàu chạy khi chưa nhận được tín hiệu an toàn của trực ban chạy tàu ga hoặc người làm tín hiệu truyền;

b) Lái tàu điều khiển tàu chạy vượt qua tín hiệu vào ga, ra ga đang ở trạng thái đóng khi chưa được phép của người chỉ huy chạy tàu ở ga;

c) Lái tàu không dừng tàu khi tàu đã đề lên pháo phòng vệ và pháo phòng vệ đã nổ bình thường;

d) Lái tàu tiếp tục cho tàu chạy khi đã nhận được tín hiệu ngừng tàu.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, lái tàu thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng.

Điều 11. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương (trừ đường sắt đô thị), chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không công bố hoặc công bố không đầy đủ nội dung biểu đồ chạy tàu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương (trừ đường sắt đô thị), chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không gửi biểu đồ chạy tàu hoặc gửi biểu đồ chạy tàu không đúng thời hạn cho các tổ chức có liên quan hoặc gửi không đầy đủ nội dung biểu đồ chạy tàu theo quy định;

b) Không công bố công khai công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương (trừ đường sắt đô thị), chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng thực hiện hành vi không xây dựng hoặc có xây dựng nhưng không đủ nội dung công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu theo quy định.

Điều 12. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều độ chạy tàu

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu không kiểm tra các ga về việc thi hành biểu đồ chạy tàu và kế hoạch lập tàu.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Phát mệnh lệnh liên quan đến chạy tàu không đúng thẩm quyền;

b) Không phát lệnh cho trực ban chạy tàu ga cấp cảnh báo kịp thời cho lái tàu;

c) Không phát lệnh phong tỏa khu gian theo quy định;

d) Không kịp thời phát các mệnh lệnh thuộc thẩm quyền quy định gây chậm tàu, ách tắc giao thông.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga không cấp cảnh báo cho lái tàu, trưởng tàu theo quy định.

Điều 13. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm đường sắt

1. Phạt cảnh cáo đối với người đi bộ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người đi bộ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đã đóng; vượt qua đường ngang khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung, hầm khi đi qua đường ngang, cầu chung, hầm.

3. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ dừng xe, đỗ xe trong khu vực đường ngang, cầu chung; vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

5. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy dừng xe, đỗ xe trong khu vực đường ngang, cầu chung.

6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trong khu vực đường ngang, cầu chung.

8. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

9. Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

10. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ làm hỏng cản chắn, giàn chắn, các thiết bị khác tại đường ngang, cầu chung;

b) Điều khiển xe bánh xích, xe lu bánh sắt, các phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, quá khổ giới hạn đi qua đường ngang mà không thông báo cho tổ chức quản lý đường ngang, không thực hiện đúng các biện pháp bảo đảm an toàn.

11. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 6, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) từ 01 tháng đến 03 tháng.

12. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 10 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 14. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống thiên tai và giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với nhân viên đường sắt không thực hiện báo tin về tai nạn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm mà không phát hiện kịp thời sự cố, chướng ngại vật trên đường sắt có ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc đã phát hiện mà không thông báo kịp thời sự cố, chướng ngại vật trên đường sắt, không phòng vệ hoặc phòng vệ không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm mà không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ tai nạn ban đầu; không thực hiện thông tin, báo cáo kịp thời về tai nạn giao thông đường sắt cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đủ các tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn giao thông đường sắt; không chuyển giao hồ sơ tai nạn ban đầu theo quy định;

b) Không thực hiện nghĩa vụ cứu nạn khi có điều kiện cứu nạn;

c) Khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt hoặc khi được yêu cầu phối hợp, hỗ trợ không đến ngay hiện trường để giải quyết;

d) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn giao thông đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình đường sắt bị hư hỏng;

đ) Không kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố làm ảnh hưởng đến việc chạy tàu;

e) Gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thay đổi, xóa dấu vết hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Lợi dụng tai nạn giao thông đường sắt để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn; làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường sắt nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ gây tai nạn giao thông đường sắt mà không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền;

d) Không phối hợp, không chấp hành mệnh lệnh của người, cơ quan có thẩm quyền trong việc khắc phục hậu quả, khôi phục giao thông đường sắt.

6. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với doanh nghiệp quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thành lập Hội đồng giải quyết tai nạn giao thông đường sắt khi có tai nạn giao thông đường sắt xảy ra theo quy định;

b) Không lưu trữ hồ sơ các vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, không thường xuyên cập nhật số liệu về số vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định;

c) Không quy định trách nhiệm của các đơn vị tham gia hoạt động trên đường sắt quốc gia trong việc giải quyết các vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt; không công bố công khai địa chỉ, số điện thoại của các tổ chức, cá nhân có liên quan để phục vụ công tác xử lý sự cố, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xây dựng, thực hiện phương án phòng, chống và khắc phục kịp thời hậu quả do sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt;

b) Không tuân thủ sự chỉ đạo, điều phối lực lượng của tổ chức phòng, chống sự cố, thiên tai, xử lý tai nạn giao thông đường sắt;

c) Không thông báo kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố hoặc nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt;

d) Không đình chỉ chạy tàu khi thấy kết cấu hạ tầng đường sắt có nguy cơ gây mất an toàn chạy tàu;

đ) Không thành lập tổ ứng phó cứu viện để giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

Điều 15. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên đường sắt, trong cầu, hầm dành riêng cho đường sắt, trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang thi hành nhiệm vụ;

b) Vượt tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh;

c) Để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển;

d) Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy; mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu, tay, chân và vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy, trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang thi hành nhiệm vụ;

đ) Phơi rơm, rạ, nông sản, đồ vật phẩm khác trên các công trình đường sắt khác;

e) Để rơi vãi đất, cát, các loại vật tư, vật liệu khác lên đường sắt.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Neo đậu phương tiện vận tải thủy, bè, mảng hoặc các vật thể khác trong phạm vi bảo vệ cầu đường sắt;

b) Để phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt;
- b) Để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở giao thông đường sắt;
- c) Tự ý mở chắn đường ngang khi chắn đã đóng.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ sở hữu công trình thiết bị điện, viễn thông thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi công trình thiết bị điện, viễn thông nằm trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

b) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn để công trình điện lực, đường dây tải điện gây nhiễu hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;

c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho thiết bị, công trình đường sắt, giao thông vận tải đường sắt khi dây tải điện bị sự cố, đứt trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân làm rơi gổ, đá hoặc các vật thể khác gây sự cố, tai nạn chạy tàu.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường ngang chuyên dùng không bố trí định biên gác đường ngang trong phạm vi quản lý theo quy định.

7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn giao thông vận tải đường sắt trong quá trình khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đối với tuyến đường được phép sử dụng độ dốc lớn hơn dốc hạn chế;

b) Không có biện pháp đảm bảo an toàn cho hành khách lên, xuống tàu ở những ga có ke ga đang sử dụng chưa nâng cấp, cải tạo.

8. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này buộc ra khỏi đường sắt, cầu, hầm dành riêng cho đường sắt;
- b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này buộc đưa rom, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi công trình đường sắt;
- c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 1, điểm b khoản 3 Điều này buộc đưa đất, cát, các loại vật tư, vật liệu khác, vật chướng ngại ra khỏi đường sắt;
- d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này buộc đưa bè, mảng, phương tiện vận tải thủy hoặc các vật thể khác ra khỏi phạm vi bảo vệ cầu đường sắt;
- đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này buộc đưa phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt;
- e) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt.

Điều 16. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý an toàn hệ thống đường sắt

1. Phạt tiền từ 20.000.0000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện hành vi vi phạm sau:

- a) Đưa vào vận hành, khai thác tuyến đường sắt tốc độ cao, đường sắt cấp I, đường sắt đô thị xây dựng mới hoặc nâng cấp tuyến đường sắt mà không đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định;
- b) Không xây dựng, phê duyệt hệ thống quản lý an toàn vận hành đối với các tuyến đường sắt đưa vào khai thác theo quy định;
- c) Không công bố công khai và duy trì hệ thống quản lý an toàn vận hành theo quy định.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Thực hiện hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này buộc thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định;
- b) Thực hiện hành vi vi phạm tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này buộc xây dựng, phê duyệt, công bố công khai và duy trì hệ thống quản lý an toàn vận hành theo quy định.

Mục 2

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 17. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân đổ, để rác thải sinh hoạt lên đường sắt hoặc xả rác thải sinh hoạt từ trên tàu xuống đường sắt.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đổ, để chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt hoặc xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt;

b) Đổ trái phép đất, đá, vật liệu khác lên đường sắt hoặc để rơi đất, đá, vật liệu khác từ trên tàu xuống đường sắt trong quá trình vận chuyển;

c) Làm che lấp tín hiệu giao thông đường sắt;

d) Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường sắt;

đ) Đặt tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác trái phép trong lòng đường sắt hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt;

e) Bơm, xả nước hoặc các chất lỏng khác làm ngập nền đường sắt, ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của hệ thống thoát nước đường sắt hoặc ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình đường sắt.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đào, lấy, san, lấp đất, đá hoặc các vật liệu khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

b) Làm hỏng, tháo dỡ trái phép tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; làm sai lệch vị trí hoặc phá, dỡ trái phép mốc chỉ giới ga đường sắt, mốc giới đất dành cho đường sắt, hàng rào dùng để đóng lối đi tự mở, cọc dùng để thu hẹp lối đi tự mở;

c) Làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tự mở lối đi qua đường sắt;

b) Khoan, đào, xẻ đường sắt trái phép;

c) Tháo dỡ, làm xê dịch trái phép ray, tà vẹt, cầu kiện, phụ kiện, vật tư, trang thiết bị, hệ thống thông tin tín hiệu của đường sắt.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng chất nổ; khai thác đất, đá, cát, sỏi, các vật liệu khác làm lún, nứt, sạt lở, rạn vỡ công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt;

b) Để chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt.

6. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2 Điều này buộc đưa rác thải sinh hoạt; đất, đá, chất độc hại, chất phế thải và các vật liệu khác ra khỏi đường sắt;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này buộc đưa chất dễ cháy, dễ nổ ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này buộc dỡ bỏ vật che lấp tín hiệu giao thông đường sắt;

d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của hệ thống thoát nước công trình đường sắt đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này buộc đưa tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt;

e) Thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 2; khoản 3; khoản 4; điểm a khoản 5 Điều này buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 18. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng phụ cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng phụ cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, bảo đảm an toàn giao thông đường sắt.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xây dựng lò vôi, lò gốm, lò gạch, lò nấu gang, thép, xi măng, thủy tinh cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 10 m;

b) Xây dựng nhà bằng vật liệu dễ cháy cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 05 m;

c) Xây dựng các kho chứa chất độc, chất nổ, chất dễ cháy, chất dễ nổ không đảm bảo khoảng cách an toàn so với chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt theo quy định;

d) Xây dựng công trình điện lực, đường dây tải điện đi ngang qua hoặc hai bên công trình đường sắt mà không có biện pháp bảo đảm: khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật về điện lực; không gây nhiễu hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;

đ) Xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng phụ cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt làm hư hỏng công trình đường sắt;

e) Xây dựng công trình trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt tại khu vực đường ngang không bố trí người gác.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà gây tai nạn giao thông đường sắt.

4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này buộc thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, bảo đảm an toàn giao thông đường sắt;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 2 Điều này buộc phá dỡ công trình xây dựng vi phạm;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của công trình đường sắt đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 19. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trồng cây trái phép trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt đô thị; trồng cây cao trên 1,5 m hoặc trồng cây dưới 1,5 m nhưng ảnh hưởng đến an toàn, ổn định công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt trong quá trình khai thác hoặc trồng cây che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng;

b) Chắn thả súc vật trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt vào mục đích canh tác nông nghiệp làm sạt lở, lún, nứt, hư hỏng công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Để phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải hoặc các vật phẩm khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt hoặc trong khu vực ga, đề-pô, nhà ga đường sắt;

b) Dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

c) Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, họp chợ trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

d) Di chuyển chậm trễ các công trình, nhà ở, lều, quán hoặc cố tình trì hoãn việc di chuyển gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi dựng, đặt bảng quảng cáo, băng-rôn hoặc các biển chỉ dẫn trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này buộc hạ độ cao của cây trồng có chiều cao vượt quá quy định, di dời cây trồng không đúng quy định hoặc có ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt;

b) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này buộc đưa phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải, các vật phẩm khác ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này buộc phá dỡ, di chuyển lều, quán dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;

đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này buộc phá dỡ, di chuyển các công trình, nhà ở, lều, quán gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt;

e) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này buộc phá dỡ, di chuyển bảng quảng cáo, băng-rôn hoặc các biển chỉ dẫn ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.

Điều 20. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng, quản lý, khai thác công trình thiết yếu, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường sắt không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi đất dành cho đường sắt

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình khi chưa có văn bản chấp thuận phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, thời gian phong tỏa phục vụ thi công của tổ chức có thẩm quyền theo quy định;

b) Khi thi công hoàn thành công trình không bàn giao lại hiện trường, hồ sơ hoàn công cho tổ chức có liên quan theo quy định;

c) Đe vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi khu gian chưa được phong tỏa hoặc hết thời gian phong tỏa khu gian.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt trong quá trình thi công;

b) Không gia cố kịp thời công trình thiết yếu để bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình thiết yếu bị hư hỏng;

c) Không tự di chuyển hoặc cải tạo công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

d) Không tự phá dỡ công trình khi hết hạn sử dụng;

đ) Không tự phá dỡ công trình khi xây dựng không đúng với giấy phép hoặc khi cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi, hủy giấy phép.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây sự cố, tai nạn giao thông đường sắt;

b) Xây dựng trái phép công trình thiết yếu phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, kinh tế - xã hội, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường sắt trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

c) Xây dựng trái phép công trình khác trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này buộc đưa vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này buộc gia cố, di chuyển hoặc cải tạo công trình gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường sắt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này buộc phá dỡ công trình hết hạn sử dụng, phá dỡ công trình xây dựng không đúng với giấy phép;

d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này buộc dừng thi công và thực hiện đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định trong thời gian 120 ngày. Trường hợp công trình xây dựng gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt thì buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 21. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lập danh mục quản lý đối với các đường ngang không phù hợp theo quy định; không lập, không cập nhật hồ sơ các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt, lối đi tự mở qua đường sắt;

b) Không phát hiện hoặc đã phát hiện mà không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi quản lý;

c) Không lập, không lưu trữ hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc lập, lưu trữ hồ sơ nhưng không đúng quy định;

d) Không kịp thời phát hiện hoặc không thực hiện theo quy định khi phát hiện, nhận được tin báo hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng đường sắt;

đ) Không thông báo hoặc thông báo không kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu, việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố, nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt, khách hàng sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt;

e) Không xây dựng lộ trình, không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn tại các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định;

g) Không thực hiện chốt gác tại đường ngang là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia; không thực hiện huấn luyện nghiệp vụ cảnh giới, chốt gác theo quy định cho người do địa phương bố trí để cảnh giới, chốt gác tại các lối đi tự mở;

h) Không lập hệ thống quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt theo quy định;

i) Không duy trì trạng thái kỹ thuật, chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt đã công bố hoặc để xảy ra sự cố công trình đường sắt do không thực hiện bảo trì công trình đường sắt theo quy định;

k) Không kịp thời phát hiện hoặc không thực hiện theo quy định khi phát hiện, nhận được tin báo công trình đường sắt, bộ phận công trình đường sắt, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt bị hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, xử lý lỗi đi tự mở thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức thu hẹp bề rộng hoặc xóa bỏ lối đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định;

b) Không tổ chức cảnh giới, chốt gác tại lối đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện chế độ kiểm tra hoặc thực hiện chế độ kiểm tra không đúng quy định;

b) Để công trình đường sắt bị hư hỏng mà không kịp thời có biện pháp khắc phục, sửa chữa cần thiết;

c) Không kịp thời tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố;

d) Không kiểm tra việc thực hiện phương án tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt tại vị trí thi công trên tuyến đường sắt theo công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ đã công bố.

4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3 Điều này buộc thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này buộc tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố.

Điều 22. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thi công công trình đường sắt trên đường sắt đang khai thác

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình không thông báo bằng văn bản cho tổ chức trực tiếp quản lý công trình đường sắt biết trước khi thi công;

b) Không bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định đối với phương tiện, thiết bị thi công;

c) Không bố trí hoặc bố trí không đúng vị trí quy định, không đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ theo quy định, không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt trong quá trình thi công;

d) Điều khiển phương tiện, thiết bị thi công mà không có bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định;

đ) Thu hồi tín hiệu phòng vệ khi chưa kết thúc thi công, chưa kiểm tra trạng thái đường, chưa kiểm tra giới hạn tiếp giáp kiến trúc đủ điều kiện bảo đảm an toàn chạy tàu;

e) Thi công công trình đường sắt có Giấy phép xây dựng nhưng đã hết thời hạn ghi trong Giấy phép hoặc có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền nhưng đã hết thời hạn thi công ghi trong văn bản;

g) Để vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công, biển phòng vệ, biển báo tạm thời vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi hết thời gian phong tỏa để thi công công trình, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

h) Không thông báo bằng văn bản cho đơn vị quản lý công trình đường sắt biết khi hoàn thành việc thi công công trình;

i) Thi công công trình khi chưa yêu cầu cấp cảnh báo theo quy định;

k) Không thực hiện các biện pháp phong tỏa khu gian, biện pháp chạy tàu trên đường sắt theo quy định khi thi công công trình trên đường sắt đang khai thác.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình không có Giấy phép xây dựng hoặc không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định (đối với trường hợp quy định phải có Giấy phép thi công hoặc văn bản chấp thuận);

b) Không thực hiện đúng quy định ghi trong Giấy phép xây dựng hoặc trong văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện công trình đường sắt đang thi công đe dọa an toàn chạy tàu;

d) Đề phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công không đúng quy định gây cản trở chạy tàu, không bảo đảm an toàn giao thông.

3. Phạt tiền từ 7.500.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi thi công công trình khi chưa được bàn giao mặt bằng.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thi công trên đường sắt đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ thi công từ 01 tháng đến 03 tháng.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép xây dựng từ 01 tháng đến 03 tháng.

7. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này buộc bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định;

b) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này buộc bố trí đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ và thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định;

c) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này buộc di chuyển vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công, biển phòng vệ, biển báo tạm thời ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt;

d) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này buộc thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định;

đ) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này buộc dỡ phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công theo đúng quy định, không gây cản trở chạy tàu;

e) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 23. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kết nối các tuyến đường sắt

1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không phát hiện hoặc không có biện pháp ngăn chặn, báo cáo kịp thời các vi phạm về kết nối tuyến đường sắt.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức khi kết nối các tuyến đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kết nối trái phép các tuyến đường sắt;

b) Không thực hiện đúng, đủ các nội dung trong Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt;

c) Thực hiện kết nối khi chưa có ý kiến thống nhất bằng văn bản của đơn vị quản lý tuyến đường sắt được kết nối theo quy định;

d) Khi hoàn thành việc kết nối không bàn giao hiện trường, hồ sơ hoàn công công trình trong khu vực kết nối theo quy định.

Mục 3

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 24. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện khai thác, sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt (với mỗi phương tiện vi phạm)

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đưa phương tiện tự tạo chạy trên đường sắt;

b) Chủ sở hữu phương tiện không thực hiện đăng ký phương tiện giao thông đường sắt khi chuyển quyền sở hữu phương tiện hoặc thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu của phương tiện.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trên mỗi phương tiện đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đưa phương tiện không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt tham gia giao thông trên đường sắt hoặc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt không do cơ quan có thẩm quyền cấp, trừ việc di chuyển để kiểm tra, thử nghiệm các tính năng kỹ thuật của phương tiện trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, vận dụng, di chuyển phương tiện từ vị trí tập kết này đến vị trí tập khác để cất giữ, bảo quản;

b) Đưa phương tiện không có chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường tham gia giao thông trên đường sắt, trừ việc di chuyển để kiểm tra, thử nghiệm các tính năng kỹ thuật của phương tiện trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, vận dụng, di chuyển phương tiện từ vị trí tập kết này đến vị trí tập khác để cất giữ, bảo quản;

c) Đưa phương tiện giao thông đường sắt không được phép vận dụng ra khai thác trên đường sắt;

d) Tự ý thay đổi kết cấu, hình dáng, tính năng sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt;

đ) Không kiểm tra tình trạng kỹ thuật, không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện trước khi tham gia giao thông;

e) Không thực hiện trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện để bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giữa hai kỳ kiểm tra;

g) Không cung cấp hoặc không cập nhật tiêu chuẩn cơ sở, quy trình sửa chữa phương tiện cho tổ chức kiểm tra theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này mà gây tai nạn giao thông đường sắt.

4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này buộc thực hiện đăng ký đối với phương tiện giao thông đường sắt;

b) Vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này buộc khôi phục lại kết cấu, hình dáng, tính năng sử dụng ban đầu của phương tiện trước khi đưa phương tiện tham gia giao thông trên đường sắt.

Điều 25. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thông tin, chỉ dẫn cần thiết đối với phương tiện giao thông đường sắt

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trên mỗi phương tiện vi phạm nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đưa vào khai thác trên đường sắt quốc gia toa xe khách không có bảng niêm yết hoặc có bảng niêm yết nhưng không đầy đủ về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga dừng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố theo quy định;

b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt đô thị không có hoặc có nhưng không đầy đủ thông tin, chỉ dẫn cần thiết cho khách hàng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt không kê, kê không đủ, không đúng số hiệu, số đăng ký và các ký hiệu khác theo quy định trên mỗi phương tiện giao thông đường sắt.

Điều 26. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thiết bị hãm, ghép nối đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trên phương tiện giao thông đường sắt không lắp thiết bị hãm (khí nén hoặc thủy lực hoặc điện), hãm tay (cơ khí) hoặc có lắp thiết bị này nhưng không hoạt động theo quy định;

b) Không lắp van hãm khẩn cấp trên toa xe khách có chở người tại vị trí làm việc của trưởng tàu hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định;

c) Không kiểm tra định kỳ và kẹp chì niêm phong van hãm khẩn cấp, đồng hồ áp suất theo quy định;

d) Không lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định;

đ) Lắp thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không trang bị thiết bị tín hiệu đuôi tàu trên đoàn tàu hàng không có toa xe trưởng tàu;

b) Thiết bị tín hiệu đuôi tàu trên đoàn tàu không hoạt động theo quy định.

3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này buộc lắp đầy đủ theo quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này buộc lắp đầy đủ theo quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này buộc lắp đầy đủ theo quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị;

d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này buộc lắp thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng theo quy định;

đ) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này buộc trang bị, thay thế hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị tín hiệu đuôi tàu.

Điều 27. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về trang thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt đưa toa xe ra chở khách mà không có đủ các thiết bị hoặc có nhưng không hoạt động theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đầu máy, phương tiện động lực chuyên dùng không có đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen), thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu (đối với loại phương tiện được quy định phải có các thiết bị này) hoặc có các thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định;

b) Không có thiết bị đo tốc độ tàu, thiết bị thông tin liên lạc giữa trưởng tàu và lái tàu tại vị trí làm việc của trưởng tàu theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định.

3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này buộc lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này buộc lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị.

Điều 28. Xử phạt các hành vi vi phạm về sử dụng Giấy phép lái tàu, bằng, chứng chỉ chuyên môn đối với nhân viên đường sắt vi phạm quy định

1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường sắt mà không mang theo Giấy phép lái tàu.

2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường sắt không có Giấy phép lái tàu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với nhân viên đường sắt thực hiện hành vi sử dụng bằng, chứng chỉ chuyên môn, Giấy phép lái tàu không do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 29. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về nồng độ cồn hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng đối với nhân viên đường sắt (trừ lái tàu và phụ lái tàu)

1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;

b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ;

c) Khi làm nhiệm vụ mà trong cơ thể có chất ma túy, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.

Điều 30. Xử phạt các hành vi vi phạm về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt đối với nhân viên đường sắt

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trưởng tàu để người đi, đứng, nằm, ngồi trên nóc toa xe, đu bám ngoài thành toa xe, đầu máy, chỗ nối hai đầu toa xe;

b) Trưởng tàu hoặc lái tàu phụ trách đoàn tàu để người đi trên tàu hàng trái quy định;

c) Trưởng tàu, nhân viên phục vụ hành khách để người bán hàng rong trên tàu, để người không có vé đi tàu, để người lên, xuống tàu khi tàu đang chạy; để hành lý, hàng hóa ở hai đầu toa xe, bậc lên xuống hai đầu toa xe khi tàu đang chạy, trừ trường hợp để hành lý, hàng hóa của hành khách chuẩn bị xuống tàu khi tàu vào ga có tác nghiệp dừng, đỗ;

d) Nhân viên tuần đường, tuần cầu, tuần hầm không kiểm tra, phát hiện kịp thời những hư hỏng của đường, cầu, hầm hoặc đã phát hiện mà không có biện pháp xử lý theo thẩm quyền, không báo cáo người có thẩm quyền giải quyết;

đ) Nhân viên đường sắt không tuân thủ quy trình tác nghiệp.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này mà xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc hướng dẫn người vi phạm về vị trí quy định hoặc buộc xuống tàu; đưa hàng hóa, hành lý về vị trí theo quy định.

Điều 31. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về số người được phép chở, tải trọng cho phép chở của phương tiện giao thông đường sắt, tải trọng cho phép khai thác của cầu đường

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi chuyên chở hành khách vượt quá số chỗ công bố, quy định được phép chở tại từng thời điểm của toa xe tính trên mỗi hành khách bị vượt nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 5% đến 40%;

b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt có tải trọng rải đều hoặc tải trọng trục của mỗi phương tiện vượt quá tải trọng cho phép của cầu đường được quy định trong Công lệnh tải trọng đến 10%;

c) Không thực hiện việc công bố công khai phương án bán ghế phụ, chuyển đổi giường nằm thành ghế ngồi trong các dịp cao điểm theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 40% đến 100%;

b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt có tải trọng rải đều hoặc tải trọng trục của mỗi phương tiện vượt quá tải trọng cho phép của cầu đường được quy định trong Công lệnh tải trọng trên 10% đến 20%.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 100%;

b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt có tải trọng rải đều hoặc tải trọng trục của mỗi phương tiện vượt quá tải trọng cho phép của cầu đường được quy định trong Công lệnh tải trọng trên 20%.

5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này buộc bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của toa xe;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này buộc hạ tải trọng hàng hóa đã xếp lên toa xe theo quy định.

Điều 32. Xử phạt các hành vi vi phạm về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt đối với lái tàu, phụ lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phụ lái tàu không thực hiện đúng chế độ hô đáp, không giám sát tốc độ chạy tàu, không quan sát tín hiệu, biển báo, biển hiệu để báo cho lái tàu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Rời vị trí lái máy khi đầu máy đang hoạt động;

b) Chở người không có trách nhiệm hoặc chở hàng hóa trên đầu máy;

c) Làm mất tác dụng của thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu;

d) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của tín hiệu, biển hiệu, của người chỉ huy chạy tàu;

đ) Không có hoặc có không đầy đủ cờ, đèn tín hiệu, pháo, chèn trên đầu máy khi lên ban theo quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Dừng tàu không đúng quy định mà không có lý do chính đáng;

b) Điều khiển tàu chạy vượt quá tín hiệu ngừng;

c) Điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ đến 10 km/h.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ trên 10 km/h đến 20 km/h.

5. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ trên 20 km/h;

b) Khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.

6. Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;

b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ;

c) Khi làm nhiệm vụ mà trong cơ thể có chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.

8. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng;

b) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 03 tháng đến 05 tháng;

c) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 6 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 10 tháng đến 12 tháng;

d) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 22 tháng đến 24 tháng.

9. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc đưa người, hàng hóa ra khỏi đầu máy.

Điều 33. Xử phạt các hành vi vi phạm về sử dụng nhân viên đường sắt đối với tổ chức sử dụng lao động

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng lao động thực hiện hành vi không tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên đường sắt trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng lao động không tổ chức kiểm tra, sát hạch nghiệp vụ định kỳ hàng năm đối với nhân viên đường sắt theo quy định.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng lao động thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng nhân viên đường sắt không có bằng, chứng chỉ chuyên môn, Giấy phép lái tàu phù hợp theo quy định;

b) Sử dụng nhân viên đường sắt không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.

Điều 34. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về xây dựng Quy trình chạy tàu và công tác đồn, Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, niêm yết Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm đường sắt

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện việc xây dựng Quy tắc quản lý kỹ thuật ga; không xây dựng Quy trình chạy tàu và công tác đồn đường sắt; không xây dựng Quy trình khai thác sử dụng đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu khi sử dụng trên các đoàn tàu hàng theo quy định;

b) Không thực hiện việc xây dựng Quy trình tác nghiệp của lái tàu và phụ lái tàu; không xây dựng mẫu sổ đăng ký phục vụ công tác chạy tàu và cấp cảnh báo; không quy định biện pháp chạy tàu tại điểm giao tiếp giữa đường sắt quốc gia với đường sắt chuyên dùng theo quy định.

Mục 4

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH ĐƯỜNG SẮT

Điều 35. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đường sắt

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không bố trí người phụ trách bộ phận tổ chức vận tải đường sắt, người phụ trách bộ phận an toàn vận tải đường sắt hoặc có bố trí nhưng không đủ điều kiện theo quy định;

b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không bố trí người phụ trách bộ phận chuyên môn quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, người phụ trách bộ phận điều hành giao thông vận tải đường sắt, người phụ trách bộ phận an toàn giao thông đường sắt hoặc có bố trí nhưng không đủ điều kiện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không có bộ phận tổ chức vận tải đường sắt, bộ phận an toàn vận tải đường sắt theo quy định;

b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không có bộ phận chuyên môn quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, bộ phận điều hành giao thông vận tải đường sắt, bộ phận phụ trách an toàn giao thông đường sắt theo quy định.

Điều 36. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải đường sắt

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với doanh nghiệp trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển thi hài, hài cốt trái quy định;

b) Vận chuyển động vật sống không đúng quy định;

c) Không thực hiện việc niêm yết, công bố, công khai các thông tin về giá vận tải tại ga đường sắt và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt trước thời điểm áp dụng;

d) Không thực hiện việc thông báo số chỗ còn lại cho hành khách đối với các tàu bán vé bằng hệ thống điện tử theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không thực hiện việc giảm giá vé hoặc thực hiện giảm giá vé không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện các nhiệm vụ vận tải đặc biệt, an sinh xã hội theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không thực hiện đúng quy định về vận tải hàng siêu trường, siêu trọng;

c) Không thực hiện đúng các quy định về xếp, dỡ, vận chuyển hàng nguy hiểm;

d) Không bảo đảm các điều kiện sinh hoạt tối thiểu của hành khách trong trường hợp vận tải bị gián đoạn do tai nạn giao thông hoặc thiên tai, dịch họa;

đ) Không thực hiện đúng quy định về xếp hàng và gia cố hàng trên toa xe;

e) Không bố trí đủ nhân viên công tác trên tàu theo quy định;

g) Không xây dựng quy trình tác nghiệp đối với các chức danh nhân viên công tác trên tàu theo quy định.

4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này buộc đưa thi hài, hài cốt, động vật sống xuống tàu tại ga đến gần nhất để xử lý theo quy định;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này buộc thực hiện nhiệm vụ vận tải đặc biệt, an sinh xã hội theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ khoản 3 Điều này buộc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định.

Điều 37. Xử phạt các hành vi vi phạm về sử dụng vé tàu giả và bán vé tàu trái quy định

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với nhân viên đường sắt để người không có vé, sử dụng vé tàu không hợp lệ đi tàu.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhân viên bán vé của nhà ga, nhân viên bán vé của đại lý bán vé tàu, nhân viên bán vé trên tàu bán vé tàu trái quy định;

b) Mua, bán vé tàu nhằm mục đích thu lợi bất chính.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển vé tàu giả;

b) Bán vé tàu giả;

c) Tàng trữ vé tàu giả.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này bị tịch thu vé tàu giả;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này bị tịch thu toàn bộ số vé tàu hiện có;

c) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này bị tịch thu toàn bộ vé tàu giả.

5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

Mục 5**VI PHẠM KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT****Điều 38. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định khác có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường sắt**

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Bán hàng rong trên tàu, dưới ga;
- b) Không chấp hành nội quy đi tàu;
- c) Ném đất, đá hoặc vật khác từ trên tàu xuống.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Gây mất trật tự, an toàn trên tàu, dưới ga;
- b) Đổ, để rác thải sinh hoạt lên phương tiện giao thông đường sắt;
- c) Mang theo động vật có dịch bệnh vào ga, lên tàu;
- d) Mang chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm vào ga, lên tàu trái quy định;
- đ) Mang theo động vật sống lên tàu trái quy định;
- e) Mang thi hài, hài cốt vào ga, lên tàu đường sắt đô thị; mang thi hài, hài cốt vào ga, lên tàu đường sắt quốc gia trái quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc các vật thể khác vào tàu.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi đe dọa xâm phạm sức khỏe của hành khách, nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ.

5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe của hành khách, nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ.

6. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả buộc đưa động vật có dịch bệnh, thi hài, hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm, động vật sống xuống tàu (tại ga đến gần nhất trong trường hợp tàu đang chạy), ra ga để xử lý theo quy định.

Chương III **THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN** **VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Điều 39. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt bao gồm:

1. Các chức danh quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định của Nghị định này.

2. Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Thành viên đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra thuộc nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra.

4. Trưởng tàu, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn được trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản vi phạm hành chính có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính xảy ra trên tàu.

Điều 40. Phân định thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

2. Lực lượng Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19; Điều 20; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; khoản 2 Điều 33; điểm a, điểm b khoản 1, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 3 Điều 36; Điều 37; Điều 38 của Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam thành lập, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thành lập, Giám đốc Sở Xây dựng có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 22.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

5. Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông; Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện; Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông; Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt; Trưởng phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng; Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy; Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Cảnh sát cơ động; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có

thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam thành lập, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thành lập, Giám đốc Sở Xây dựng

1. Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam thành lập, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 44. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 4 của Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những chức danh được quy định tại các Điều 41, Điều 42, Điều 43 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân.

Điều 45. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt trong lĩnh vực giao thông đường sắt thực hiện theo quy định tại Chương III Phần thứ hai Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Nghị định này.

2. Đối với trường hợp hành vi vi phạm hành chính được phát hiện thông qua sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ mà cơ quan chức năng chưa dùng ngay được phương tiện để xử lý thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan chức năng gửi thông báo yêu cầu chủ phương tiện và cá nhân, tổ chức có liên quan (nếu có) đến trụ sở cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để giải quyết vụ việc vi phạm. Việc thông báo được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng phương thức điện tử;

b) Việc chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do doanh nghiệp kinh doanh đường sắt cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

3. Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép và các biểu mẫu khác trong xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và có thể gửi cho người vi phạm theo tài khoản đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

4. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thì việc xác định số lợi bất hợp pháp được thực hiện như sau:

a) Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 31 của Nghị định này được tính bằng số tiền thu được từ việc thu tiền chở quá số người, quá tải trọng hàng hoá;

b) Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 37 của Nghị định này được tính bằng số tiền thu được.

5. Tổ chức, cá nhân vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 46. Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn trong lĩnh vực giao thông đường sắt

1. Giấy phép trong lĩnh vực giao thông đường sắt gồm:

a) Giấy phép lái tàu;

b) Giấy phép lái xe (khi điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ);

c) Giấy phép xây dựng.

2. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực giao thông đường sắt như sau:

a) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt đã tạm giữ được giấy phép của cá nhân, tổ chức vi phạm thì thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép là thời điểm quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;

b) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt chưa tạm giữ được giấy phép của cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với hành vi vi phạm. Trong nội dung quyết định xử phạt phải ghi rõ thời điểm bắt đầu tính hiệu lực thi hành của hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép là kể từ thời điểm mà người vi phạm xuất trình giấy phép cho người có thẩm quyền xử phạt tạm giữ;

c) Khi tạm giữ giấy phép trong hoạt động đường sắt bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm b khoản này và khi trả giấy phép bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

3. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực giao thông đường sắt, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép trong lĩnh vực giao thông đường sắt thì bị xử phạt như hành vi không có giấy phép trong lĩnh vực giao thông đường sắt.

4. Trường hợp người có hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực giao thông đường sắt nhưng thời hạn sử dụng còn lại của giấy phép trong lĩnh vực giao thông đường sắt đó ít hơn thời hạn bị tước thì người có thẩm quyền vẫn ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực giao thông đường sắt theo quy định đối với hành vi vi phạm. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm được cấp đổi hoặc cấp mới giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời gian tước theo quyết định xử phạt, thì không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời gian bị tước.

Điều 47. Tạm giữ giấy tờ liên quan đến người điều khiển phương tiện và phương tiện vi phạm

Tại thời điểm kiểm tra, người điều khiển phương tiện không xuất trình được giấy phép điều khiển phương tiện tương ứng với những loại phương tiện điều khiển theo quy định thì xử lý như sau:

1. Người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với người điều khiển phương tiện về hành vi không có giấy phép điều khiển phương tiện và tạm giữ giấy tờ liên quan đến người điều khiển phương tiện và phương tiện vi phạm.

2. Trong thời hạn hạn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được giấy phép điều khiển phương tiện theo quy định thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ đối với người điều khiển phương tiện.

3. Quá thời hạn hạn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm mới xuất trình được hoặc không xuất trình được giấy phép điều khiển phương tiện theo quy định thì phải chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với các hành vi vi phạm đã ghi trong biên bản vi phạm hành chính.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 48. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng).

Điều 49. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng Nghị định đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thi hành thì áp dụng quy định của Nghị định này.

Điều 50. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà